

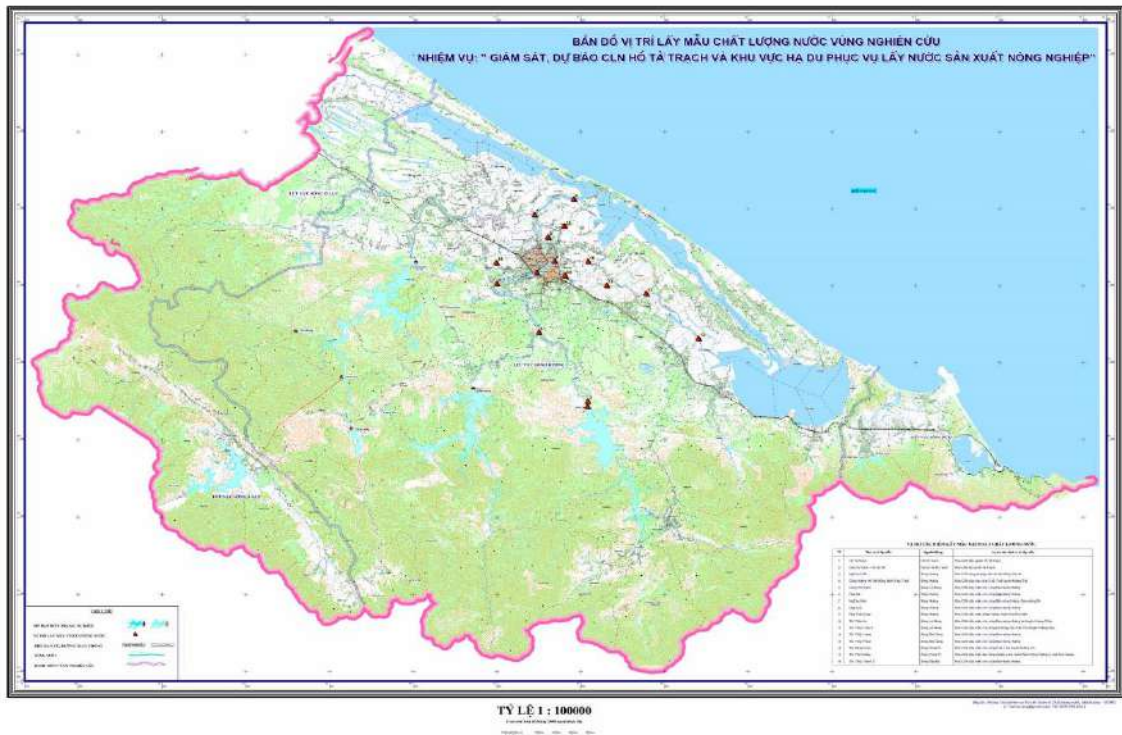
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM  
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN

Nhiệm vụ “*Giám sát, dự báo chất lượng nước hồ Tả Trạch và khu vực hạ du, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2024*”

**BẢN TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÁNG 6**

**NGÀY LẤY MẪU: 06-07 THÁNG 6 NĂM 2024**

**NGÀY THÔNG TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH: 27 THÁNG 6 NĂM 2024**



*Hệ thống thủy lợi Tả Trạch*

**Đà Nẵng, ngày 27 tháng 6 năm 2024**

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM  
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN

*Nhiệm vụ “Giám sát, dự báo chất lượng nước hồ Tả Trạch và khu vực hạ du, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2024”*

**BẢN TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÁNG 6**

**NGÀY LẤY MẪU: 06-07 THÁNG 6 NĂM 2024**

**NGÀY THÔNG TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH: 27 THÁNG 6 NĂM 2024**

**CƠ QUAN THỰC HIỆN  
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI  
MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN  
VIỆN TRƯỞNG**

**Hoàng Ngọc Tuấn**

**Thông tin chung:**

*Nhiệm vụ Giám sát, dự báo chất lượng nước hồ Tả Trạch và khu vực hạ du, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2024 được Cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên thực hiện. Năm 2024, có 10 đợt lấy mẫu quan trắc chất lượng nước trong hệ thống với 15 điểm quan trắc và 13 chỉ tiêu phân tích. Trong mỗi đợt lấy mẫu có 01 bản tin kết quả quan trắc chất lượng nước. Các bản tin được đưa lên websites tại địa chỉ [www.cviwr.vn](http://www.cviwr.vn) và được gửi cho các địa phương vùng dự án.*

*Bản tin kết quả phân tích chất lượng nước tháng 6 lấy mẫu ngày 06-07/6/2024 nội dung gồm: kết quả phân tích các chỉ tiêu; kết quả tính chỉ số WQI và những khuyến cáo về chất lượng nước khi sử dụng phục vụ SXNN.*

**Đà Nẵng, ngày 27 tháng 6 năm 2024**

## BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÁNG 6

**1. Nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước hồ Tả Trạch và khu vực hạ du, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

**2. Ngày quan trắc:** 06-07/6/2024      **3. Ngày cung cấp thông tin:** 27/6/2024

**Mô tả thời tiết lúc lấy mẫu:** Trời nắng nóng

**4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 15 vị trí

**5. Đơn vị thực hiện:** Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên

**Người cung cấp thông tin:** Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên

**6. Đơn vị nhận thông tin:** Cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

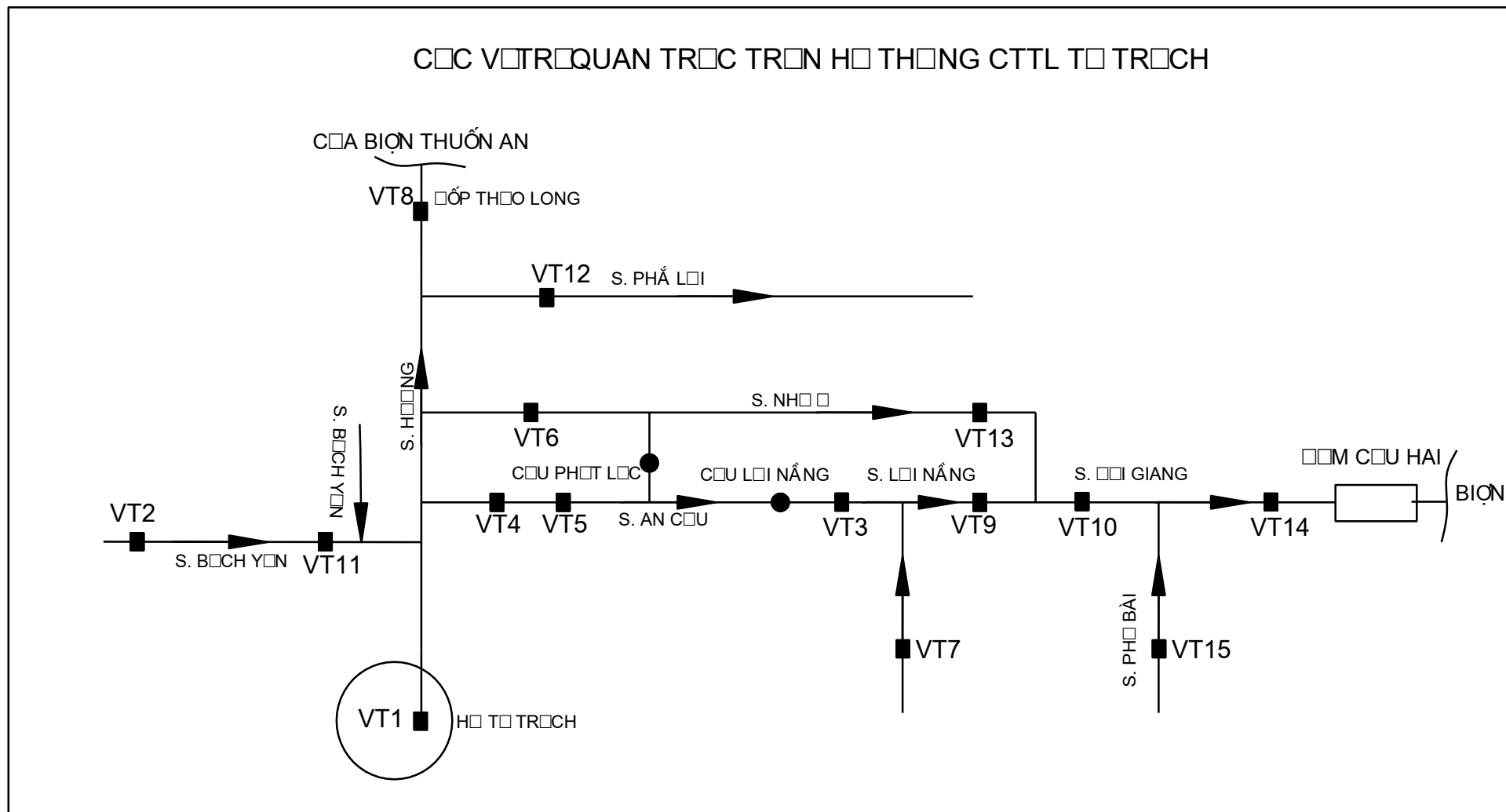
**7. Vị trí lấy mẫu:**

*Bảng 1. Vị trí các điểm lấy mẫu giám sát chất lượng nước*

| STT  | Tên vị trí                                    | Tọa độ        |               | Nguồn/sông     | Mục đích lấy mẫu  |
|------|---|---------------|---------------|----------------|---|
|      |   | Vĩ độ N       | Kinh độ E     |                |   |
| VT1  | Hồ Tả Trạch                                   | 16°18'53.2"N  | 107°38'12.5"E | Hồ Tả Trạch    | Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh                    |
| VT2  | Trạm bơm La Chũ                               | 16°29'20.6"N  | 107°30'59.9"E | Sông Hương     | Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh                    |
| VT3  | Phía sau nhà máy dệt Thủy Dương (sông An Cựu) | 16°26'57.3"N  | 107°37'16.2"E | Sông An Cựu    | Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh                    |
| VT4  | Chợ An Cựu (sông An Cựu)                      | 16°27'25.1"N  | 107°36'05.8"E | Sông An Cựu    | Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh                    |
| VT5  | Cổng Phú Cam sông An Cựu                      | 16°27'21.5"N  | 107°35'38.2"E | Sông An Cựu    | Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh                    |
| VT6  | Đập Đá sông Hương                             | 16°28'24.0"N  | 107°35'42.5"E | Sông Hương     | Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh                    |
| VT7  | Cầu Vực                                       | 16°25'33.66"N | 107°39'14.0"E | Sông Lợi Nông  | Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh                    |
| VT8  | Đập Thảo Long                                 | 16°32'55.0"N  | 107°37'01.3"E | Sông Hương     | Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh + Kiểm soát độ mặn |
| VT9  | Trạm bơm Thủy Châu 1 sông Lợi Nông            | 16°26'40.6"N  | 107°39'09.3"E | Sông Lợi Nông  | Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh                    |
| VT10 | Trạm bơm Thủy Phù 2 sông Đại Giang            | 16°23'11.3"N  | 107°44'58.0"E | Sông Đại Giang | Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh                    |
| VT11 | Trạm bơm Cổ Bưu kênh 5 xã, 7 xã sông Hương    | 16°28'28.5"N  | 107°31'53.6"E | Sông Hương     | Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh                    |

| STT  | Tên vị trí                       | Tọa độ        |                | Nguồn/sông     | Mục đích lấy mẫu                         |
|------|----------------------------------|---------------|----------------|----------------|--|
|      |                                  | Vĩ độ N       | Kinh độ E      |                |  |
| VT12 | Trạm bơm Phú Dương sông Phở Lợi  | 16°30'46.5"N  | 107°36'32.8"E  | Sông Phở Lợi   | Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh |
| VT13 | Trạm bơm Thủy Thanh 2 sông Như Ý | 16°27'48.6"N  | 107°38'53.6"E  | Sông Như Ý     | Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh |
| VT14 | Cống Quan sông Đại Giang         | 16°21'35.1"N  | 107°46'32.5"E  | Sông Đại Giang | Kiểm soát độ mặn                         |
| VT15 | Phía sau KCN Phú Bài             | 16°22'47.96"N | 107°41'37.94"E | Sông Phú Bài   | Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh |

## 8. Bản đồ vị trí các trạm quan trắc



Hình 1. Sơ đồ đường thẳng các vị trí quan trắc mẫu

**9. Một số hình ảnh thông tin lúc lấy mẫu ngày 06-07/6/2024:**



*Hình 1. Hồ Tả Trạch*



*Hình 2. TB. Thủy Thanh*



*Hình 3. TB. Thủy Châu*



*Hình 4. Cầu Vực*



*Hình 5. Cống Phú Cam*



*Hình 6. Cống Quan*

## II. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NƯỚC THEO CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC WQI

Bảng 2. Kết quả đánh giá chất lượng nước theo chỉ số WQI tháng 6

| TT | VT lấy mẫu |                        | WQI | Đánh giá   | Màu thể hiện   |  | Xếp loại |
|----|------------|------------------------|-----|--|----------------|--|----------|
| 1  | VT1        | Hồ Tả Trạch            | 97  | Chất lượng nước rất tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN | Xanh nước biển |  | A        |
| 2  | VT2        | TB. La Chũ             | 89  | Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN     | Xanh lá cây    |  | B        |
| 3  | VT3        | Nhà máy dệt Thủy Dương | 86  | Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN     | Xanh lá cây    |  | B        |
| 4  | VT4        | Chợ An Cựu             | 84  | Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN     | Xanh lá cây    |  | B        |
| 5  | VT5        | Cống Phú Cam           | 84  | Chất lượng tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN          | Xanh lá cây    |  | B        |
| 6  | VT6        | Đập Đá                 | 97  | Chất lượng nước rất tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN | Xanh nước biển |  | A        |
| 7  | VT7        | Cầu Vực                | 85  | Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN     | Xanh lá cây    |  | B        |
| 8  | VT8        | Đập Thảo Long          | 94  | Chất lượng nước rất tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN | Xanh nước biển |  | A        |
| 9  | VT9        | Trạm bơm Thủy Châu 1   | 92  | Chất lượng nước rất tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN | Xanh nước biển |  | A        |
| 10 | VT10       | Trạm bơm Thủy Phù 2    | 89  | Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN     | Xanh lá cây    |  | B        |
| 11 | VT11       | Trạm bơm Cổ Bưu        | 91  | Chất lượng nước rất tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN | Xanh nước biển |  | A        |

| TT | VT lấy mẫu |                       | WQI | Đánh giá   | Màu thể hiện   |  | Xếp loại |
|----|------------|-----------------------|-----|--|----------------|--|----------|
| 12 | VT12       | Trạm bơm Phú Dương    | 92  | Chất lượng nước rất tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN | Xanh nước biển |  | A        |
| 13 | VT13       | Trạm bơm Thủy Thanh 2 | 91  | Chất lượng nước rất tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN | Xanh nước biển |  | A        |
| 14 | VT15       | KCN Phú Bài           | 86  | Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN     | Xanh lá cây    |  | B        |

**Ghi chú:** Đánh giá theo hướng dẫn kỹ thuật tính toán và công bố chỉ số chất lượng nước Việt Nam (VN\_WQI) ban hành theo Quyết định 1460/QĐ-TCMT, ngày 12/11/2019 của Tổng cục Môi trường. Trong đó:

A- WQI từ 91-100: Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt

B- WQI từ 76-90: Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp;

C- WQI từ 51-75: Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác;

D- WQI từ 26-50: Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác;

E- WQI từ 10-25: Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai;

G- WQI <10: Nước nhiễm độc, cần có biện pháp khắc phục, xử lý.

### III. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NƯỚC THEO CHỈ TIÊU HÓA LÝ VÀ VI SINH THÁNG 6

#### 3.1. Các chỉ tiêu hóa lý và vi sinh

Sau khi so sánh với mức độ phân loại chất lượng nước (loại B) được quy định tại Bảng 2 và Bảng 3 trong QCVN 08-MT:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, kết quả phân tích chất lượng nước cho thấy phần lớn hàm lượng của các chỉ tiêu tại các vị trí hầu hết đều nằm trong giới hạn cho phép, chỉ có tại vị trí VT5, VT7, VT15 có chỉ tiêu BOD<sub>5</sub> vượt ngưỡng cho phép nhưng không đáng kể. Đối với một số chỉ tiêu khác như Nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup>), Amoni (NH<sub>4</sub><sup>+</sup>), Nitrit (NO<sub>2</sub><sup>-</sup>) hầu hết đều nằm trong giới hạn cho phép vượt giới hạn cho phép được quy định tại cột B1 trong QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.

Kết quả tính toán chỉ số chất lượng nước WQI tháng 6 tại các vị trí quan trắc đều đạt mức tốt và rất tốt (chỉ số WQI<sub>TB</sub>>75), đảm bảo mục đích tưới tiêu cho nông nghiệp cũng như các mục đích tương tự khác.

Ghi chú:

1) QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.



2) QCVN08-MT:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt năm 2023.

Bảng 2: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước. ( Vị trí áp dụng từ VT2 đến VT15)

Bảng 3: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước hồ, ao, đầm và bảo vệ môi trường sống dưới nước. (Vị trí áp dụng: VT1: Hồ Tả Trạch)

Mức phân loại chất lượng nước (loại B): Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hoà tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

### 3.2. Chỉ tiêu độ mặn

- Nhiệm vụ giám sát độ mặn tại 2 vị trí là đập Thảo Long (VT8) và Công Quan (VT14), kết quả ngày 06-07/6/2024 cho thấy độ mặn ở phía thượng lưu đập là 0,0‰ nên các trạm bơm/cống lấy nước ở phía thượng lưu có thể lấy nước để tưới cho cây lúa.

### IV. KẾT LUẬN

- Hiện nay, cây lúa vụ Hè Thu đang trong quá trình sinh trưởng đẻ nhánh.

- Theo số liệu quan trắc chất lượng nước ngày 06-07/6/2024 nhận thấy: Chất lượng nước tại tất cả các vị trí quan trắc đều đạt mức tốt và rất tốt ( $WQI > 75$ ), đảm bảo yêu cầu cấp nước cho sản xuất nông nghiệp cũng như các mục đích tương tự khác.

- Hiện nay trên địa bàn thời tiết tiếp tục nắng nóng gay gắt, xâm nhập mặn diễn biến phức tạp do đó các đơn vị quản lý, khai thác cần tiếp tục giám sát độ mặn ở các trạm bơm, cống lấy nước trước khi vận hành để đảm bảo yêu cầu sản xuất nông nghiệp.

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 6 năm 2024

**VIỆN TRƯỞNG**

(Đã ký)

**Hoàng Ngọc Tuấn**